TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HS - ST
Ngày: 09 - 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Minh.

2. Ông Huỳnh Hoàng Lam.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Minh Hoàng, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trần Thanh T, sinh năm: 1965, tại V, Long An. Nơi cư trú: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N và bà Trương Thị L; có vợ Nguyễn Thị P và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" *(có mặt)*

2. Bị cáo Lê Thanh T1, sinh năm: 1987, tại V, Long An. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng Â và bà Đỗ Thị H; có vợ Nguyễn Thị N1 và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt)*

3. Bị cáo Hồ Văn V, sinh năm: 1992, tại V, Long An. Nơi cư trú: Ấp G,

xã V, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn C và bà Nguyễn Thị D; có vợ Phan Ngọc C1 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt)*

4. Bị cáo Trần Thanh C2, sinh năm: 1982, tại V, Long An. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Xây dựng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh M và bà Nguyễn Thị P1; có vợ Nguyễn Thị Tuyết S và 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt)*

5. Bị cáo Võ Văn X, sinh năm: 1982, tại V, Long An. Nơi cư trú: Ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T2 và bà Nguyễn Thị B; có vợ Trần Thị K và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa có hành vi vi phạm pháp luật. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú *(có mặt).*

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã V

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Võ Hoàng E, sinh năm: 1980, chức vụ: Phó Chủ tịch phụ trách Ủy ban nhân dân xã V; Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Long An, là người đại diện theo pháp luật *(có mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị H1, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An *(có mặt)*

2. Chị Huỳnh Như T3, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Long An *(có mặt)*

3. Chị Nguyễn Thị Ngọc T4, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Long An *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An thực hiện tốt mô hình 03 năm liên tục (2017, 2018 và 2019) không có người sinh con thứ 3 trở lên, được Ủy ban nhân dân tỉnh L quyết định khen thưởng bằng một công trình phúc lợi xã hội với số tiền là 200.000.000 đồng.

Ủy ban nhân dân xã V có Tờ trình số 319/TTr-UBND, ngày 14/9/2020

trình Ủy ban nhân dân huyện V thống nhất phê duyệt, cho chủ trương xã V đầu tư xây dựng công trình cầu qua kênh T (với hạng mục: sửa chữa mố A, B và sửa chữa đường dẫn mố A, đường dẫn mố B) từ nguồn vốn khen thưởng của tỉnh.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, UBND tỉnh L có Quyết định số 4979/QĐ-UBND "V/v khen thưởng công trình phúc lợi cho xã, phường, thị trấn đạt thành tích 3 năm liền không có người sinh con thứ 3 trở lên" với số tiền 200.000.000 đồng (Lệnh chuyển có đến tài khoản UBND xã V ngày 20/01/2021, số tiền 200.000.000đ). Sau khi có tiền, Trần Thanh T là Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V chỉ đạo Lê Thanh T1, cán bộ địa chính xã lập hồ sơ khống đề xuất xây dựng công trình nêu trên, mục đích rút tiền về chiếm dụng cá nhân.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 đại diện Ủy ban nhân dân xã V do Trần Thanh T ký hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình với Công ty TNHH T5 do Hồ Văn V - Giám đốc là người đại diện.

Ngày 17/5/2021 Ủy ban nhân dân xã V ban hành Quyết định số 139a/QĐ-UBND Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, có giải pháp thiết kế chủ yếu như sau:

- M: Đắp đất chọn lọc mua vận chuyển đến chân công trình, độ chặt k=0,95. Gia cố cừ tràm 2 lớp, L=4.5m, mật độ 5cây/m/hàng, đóng sâu trung bình 3.5m/cây, đường kính gốc 3.5cm.

- Đường dẫn mố A: Đắp đất mặt đường 5m chọn lọc mua vận chuyển đến chân công trình, độ chặt k=0,95. Gia cố cừ tràm 2 lớp, L=4.5, mật độ 5 cây/m/hàng, đóng sâu trung bình 3.5m/cây, đường kính gốc 3.5cm. Trải sỏi mặt đường dẫn dài 20m, rộng 2m, sỏi dày 15mm.

- Mố B: Đắp đất chọn lọc mua vận chuyển đến chân công trình, độ chặt k=0,95. Gia cố cừ tràm 2 lớp, L=4.5m, mật độ 5cây/m/hàng, đóng sâu trung bình 3.5m/cây, đường kính gốc 3.5cm.

- Đường dẫn mố B: Đắp đất mặt đường 5m chọn lọc mua vận chuyển đến chân công trình, độ chặt k=0,95. Gia cố cừ tràm 2 lớp, L=4.5, mật độ 5 cây/m/hàng, đóng sâu trung bình 3.5m/cây, đường kính gốc 3.5cm. Trải sỏi mặt đường dẫn dài 20m, rộng 2m, sỏi dày 15mm.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, Trần Thanh T với tư cách là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V ký Hợp đồng thi công xây dựng công trình với Công ty TNHH N2 do Trần Thanh C2 - Giám đốc là người đại diện, đồng thời ký quyết định số 140/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu thi công xây dựng công trình. Ngày 26 tháng 5 năm 2021, Trần Thanh T ký quyết định số 142a/QĐ-UBND về việc cho phép khởi công xây dựng công trình.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, các bên liên quan ký Biên bản số 40a/BB-

UB về việc nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng gồm Chủ đầu tư (tên trong biên bản là Trần Thanh T nhưng do Võ Văn X - Phó Chủ tịch UBND xã V ký), nhà thầu thi công (Trần Thanh C2- Giám đốc), đơn vị thiết kế (trong Biên bản ghi tên Hồ Văn V- Giám đốc, nhưng Lê Thanh T1 ký) và giám sát (Lê Thanh T1- Cán bộ địa chính xã) ký tên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân xã V chuyển khoản thanh toán tiền khảo sát thiết kế và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật cho Công ty TNHH T5 số tiền 16.792.000 đồng; chuyển khoản thanh toán tiền 5% bảo hành công trình vào tài khoản của UBND xã V mở tại Ngân hàng C3 - chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh C3, Phòng Giao dịch huyện V số tiền 9.160.000 đồng và chuyển khoản thanh toán khối lượng thi công hoàn thành công trình theo hợp đồng cho Công ty TNHH N2 số tiền 174.040.000 đồng. Tổng cộng là 199.992.000 đồng.

Do Công trình không được thi công trên thực tế, nên T chỉ đạo Lê Thanh T1 đến gặp Trần Thanh C2 để nhận lại tiền đã quyết toán. C2 bảo Nguyễn Thị Ngọc T4, kế toán Công ty N2 giao cho T1 số tiền 166.800.000 đồng (do đã trừ tiền thuế Gía trị gia tăng, phí môi trường là 7.240.000 đồng). T chỉ đạo T1 đưa cho T 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng và đưa cho công ty TNHH M2 vay 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng để làm công trình đường ra đồng (công trình này chưa có chủ trương đầu tư), số tiền còn lại 21.800.000 đồng T1 sử dụng.

Quá trình thanh tra, kiểm tra việc sử dụng tài chính ngân sách và quỹ khen thưởng của xã phát hiện vi phạm nên ngày 23/12/2022 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy huyện V chuyển nguồn tin cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V giải quyết theo quy định.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền 199.992.000 đồng cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSVH ngày 27/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng truy tố các bị cáo Trần Thanh T, Lê Thanh T1, Võ Văn X, Trần Thanh C2 và Hồ Văn V về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu; các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Đồng thời, các bị cáo Trần Thanh T, Lê Thanh T1, Hồ Văn V xác định việc lập hồ sơ khống để quyết toán lấy tiền thì kế toán của xã không biết.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự ông Võ Hoàng E trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan tiến hành tố tụng làm việc thì các bị cáo đã nộp lại đủ toàn bộ số tiền về tài khoản của Ngân sách xã. Nay Ủy ban nhân dân xã V không có yêu cầu bồi thường bổ sung và xin giảm nhẹ hình phạt đối

với các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H1 trình bày: Chị là kế toán Ủy ban nhân dân xã V. Năm 2021 anh T1 đã lập hồ sơ đầy đủ và yêu cầu tôi ký và làm thủ tục chuyển tiền, chị có làm 03 ủy nhiệm chi để chuyển tiền cho Công ty TNHH T5, chuyển tiền Công ty TNHH N2 và chuyển tiền 5% bảo hành công trình. Do hồ sơ đầy đủ nên làm thủ tục, chị không được bàn bạc hay hưởng lợi, chị khẳng định không biết việc lập hồ sơ khống để rút tiền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc T4 trình bày: Chị là nhân viên kế toán của Công ty TNHH N2 do Trần Thanh C2 là Giám đốc. Theo chỉ đạo của anh C2 thì tôi có đưa cho anh T1 số tiền 166.800.000 đồng. Ngoài ra tôi không biết việc gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm Cáo trạng đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh T, Lê Thanh T1, Hồ Văn V, Trần Thanh C2, Võ Văn X phạm tội "Tham ô tài sản".

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, các Điều 17, 38, 50, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 03 đến 04 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, các Điều 17, 38, 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 từ 04 đến 05 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 354, các Điều 17, 38, 50, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 54, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Hồ Văn V từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, các Điều 17, 38, 50, điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thanh C2 từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, các Điều 17, 38, 50, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Võ Văn X từ 02 đến 02 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo hiện nay có thu nhập không ổn định và không còn giữ các chức vụ nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ

sung được quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo nói lời sau cùng là thừa nhận hành vi phạm tội, thống nhất nội dung bản cáo trạng và lời luận tội, đề nghị kết tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng và của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sựQuá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ căn cứ xác định: Năm 2020 xã V được Ủy ban nhân dân tỉnh L khen thưởng do có thành tích 03 năm liền không có người sinh con thứ 3 trở lên bằng một công trình phúc lợi trị giá 200.000.000 đồng. Trần Thanh T, là Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V chỉ đạo Lê Thanh T1, là cán bộ địa chính xây dựng của xã đã lập hồ sơ khống, cùng Võ Văn X, Hồ Văn V và Trần Thanh C2 ký vào bộ hồ sơ quyết toán vốn đầu tư thiết kế và thi công công trình cầu qua kênh T3, hạng mục sửa chữa mố cầu A, B và sửa chữa đường dẫn mố A, đường dẫn mố B, nhưng không thi công để chiếm đoạt số tiền 199.992.000 đồng, đã phạm vào tội "Tham ô tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Điều 353: Tội tham ô tài sản

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000

đồng;”.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã trực đã xâm phạm đến những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động đúng đắn của của cơ quan Nhà nước; xâm phạm đến việc quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước; còn xâm phạm quyền sở hữu tài sản của các cơ quan tổ chức được pháp luật bảo vệ. Đồng thời, hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng uy tín của cán bộ, công chức đối với nhân dân, ảnh hưởng đến công tác phòng chống tham nhũng tại địa phương nói riêng và toàn xã hội nói chung. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để không gây ảnh hưởng xấu trong dư luận.

[5] Về vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm, có nhiều người tham gia nhưng chưa thể hiện có sự câu kết chặt chẽ. Mặt dù mỗi người làm một việc nhưng công việc mang tính độc lập. Do đó, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, chưa thể hiện người chủ mưu, cầm đầu. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng không truy tố các bị cáo phạm tội có tổ chức là có căn cứ, nhưng cần xem xét, tính chất mức độ nguy hiểm cũng như nhân thân của từng bị cáo để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[5.1] Đối với bị cáo Trần Thanh T với chức vụ Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, là người khởi xướng, ký các Quyết định đầu tư, chỉ định thầu …và chỉ đạo Lê Thanh T1 lập thủ tục hồ sơ khống để rút tiền nhằm chiếm đoạt tài sản, bị cáo được lợi số tiền 145.000.000 đồng. Do đó, bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính, nhưng bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, v khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác và được tặng nhiều Bằng khen, kỷ niệm chương; bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt; bị cáo có cha, anh ruột là người có công với cách mạng, bị cáo đang thờ cúng Liệt sỹ và bị cáo đang điều trị bệnh; bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó, bị cáo được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt, nhưng đây là tội tham ô tài sản cần phải xử lý nghiêm để có biện pháp giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5.2] Đối với bị cáo Lê Thanh T1, là cán bộ công chức địa chính xây dựng của xã, khi được sự gợi ý của bị cáo Trần Thanh T, bị cáo T1 tích cực thực hiện, bị cáo trực tiếp gặp gỡ với Hồ Văn V, Giám đốc Công ty TNHH T5 để thiết kế tên công trình là Công trình cầu qua kênh T, Gò cát V, nhưng nội dung chính là thi công 02 mố cầu. Đồng thời, bị cáo T1 tham mưu cho bị cáo T lập các hợp đồng thi công, Biên bản nghiệm thu…và chiếm đoạt số tiền 21.800.000 đồng tiêu xài cá nhân; Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội

tham ô tài sản. Cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có biện pháp giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt; bị cáo có cha và ông cố tham gia cách mạng, bà cố là bà M1 Việt Nam anh hùng nên cần xem xét khi quyết định hình phạt. Do bị cáo T1 có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt

3. Bị cáo Hồ Văn V là Giám đốc Công ty TNHH T5. Do bị cáo T1 có cổ phần trong công ty nên khi bị cáo T gợi ý thì bị cáo T1 gặp bị cáo V bàn bạc việc lập hồ sơ thiết kế thi công khống để rút tiền về làm công trình khác, thì bị cáo T1 đồng ý, bị cáo Vũ cử 02 nhân viên đi khảo sát và lập hồ sơ để hưởng lợi số tiền 16.792.000 đồng. Đồng thời bị cáo V còn đồng ý đưa hồ sơ, dấu để T1 thực hiện hành vi ký các hồ sơ và đóng dấu của Công ty để hoàn chỉnh hồ sơ. Hành vi của bị cáo V là đồng phạm với bị cáo T, bị cáo T1, có vai trò là giúp sức. Cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có biện pháp giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo V không có tình tiết tăng nặng; bị cáo V có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nộp lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt nên cần xem xét khi quyết định hình phạt. Do bị cáo V có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt.

4. Đối với bị cáo Trần Thanh C2 là Giám đốc Công ty TNHH N2 khi được bị cáo T, bị cáo T1 nhờ ký tên vào hồ sơ thi công để quyết toán thì bị cáo C2 có ký vào hồ sơ. Do lúc đó, bị cáo C2 đang thi công các công trình trên địa bàn xã V, vì cả nể nên mới ký và không biết các bị cáo T, T1 rút tiền về sử dụng như thế nào, nên khi chuyển tiền về, bị cáo C2 đã chuyển trả lại do bị cáo T1 nhận 166.800.000 đồng, do bị cáo C2 đã đóng thuế số tiền 7.240.000 đồng. Hành vi của bị cáo C2 là đồng phạm với bị cáo T, bị cáo T1, có vai trò là giúp sức. Cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có biện pháp giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền đã nộp thuế để khắc phục hậu quả, bị cáo là người khuyết tật và bị cáo có nhiều thành tích trong đóng góp xã hội tại địa phương được tặng Bằng khen, nên cần xem xét khi quyết định hình phạt. Do bị cáo C2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều

51 Bộ luật Hình sự nên được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt.

5. Đối với bị cáo Võ Văn X vai trò là Phó chủ tịch xã, giúp việc cho Chủ tịch. Khi bị cáo T thực hiện lập hồ sơ khống chỉ có bàn bạc với bị cáo T1 và bị cáo T1 tích cực thực hiện, bị cáo X mới về nhận nhiệm vụ. Trong thời gian bị cáo T, bị cáo T1 soạn thảo các văn bản và ký kết hợp đồng thì bị cáo X không biết, tại thời điểm ký nghiệm thu quyết toán thì bị cáo T đưa vợ đi trị bệnh ở Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo T điện thoại cho bị cáo X và cho biết đây là hồ sơ khống, yêu cầu bị cáo X ký vào biên bản nghiệm thu quyết toán rút tiền về để Ủy ban xã thực hiện nhiệm vụ khác, bị cáo X ký và sau đó không biết bị cáo T, bị cáo T1 sử dụng như thế nào, bị cáo X không được hưởng lợi từ việc này. Hành vi của bị cáo X biết hồ sơ của bị cáo T, T1 lập là khống nhưng vẫn ký nghiệm thu, quyết toán tiền, rồi để bị cáo T, bị cáo T1 chiếm đoạt nên bị cáo X là đồng phạm với bị cáo T, bị cáo T1, có vai trò là giúp sức. Cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có biện pháp giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về nhân thân bị cáo X không có tình tiết tăng nặng, bị cáo X có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng nhiều Bằng khen; bị cáo X có ông nội là Liệt sỹ. Do đó, bị cáo được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt.

[6] Về vấn đề liên quan:

[6.1] Đối với Trần Thị H1 là Công chức tài chính-kế toán ngân sách xã V năm 2021 có lập thủ tục chuyển khoản thanh toán (Ủy nhiệm chi) để thanh toán giá trị công trình cho Công ty TNHH N2 174.040.000 đồng, thanh toán tiền tư vấn thiết kế cho Công ty TNHH T5 VH 16.792.000 đồng và chuyển khoản 5% phí bảo hành công trình vào tài khoản của UBND xã V mở tại Phòng giao dịch - Ngân hàng chính sách xã hội huyện C3 số tiền là 9.160.000 đồng, nhưng H1 không biết việc Trần Thanh T và các đồng phạm khác lập hồ sơ khống để rút tiền về rồi chiếm đoạt cá nhân. Hơn nữa khi bị cáo T chỉ đạo bị cáo T1 đến Công ty TNHH N2 lấy tiền thì bị cáo C2 yêu cầu kế toán công ty là Nguyễn Thị Ngọc T4 giao tiền mặt trực tiếp cho bị cáo T1, không qua số tài khoản ngân sách xã nên H1 không biết. H1 không được chia tiền, các bị cáo T, bị cáo T1 và bị cáo X không nói cho H1 biết việc lập hồ sơ khống nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với H1.

[6.2] Đối với Nguyễn Thị Ngọc T4 là kế toán Công ty TNHH N2 có đưa cho Lê Thanh T1 số tiền 166.800.000 đồng nhưng T4 không biết là tiền gì, chỉ nghe theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty là Trần Thanh C2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T4 nên không đề cập.

[6.3] Đối với Huỳnh Như T3 là cán bộ văn thư lưu trữ, thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã V nhưng T3 không biết việc các bị cáo lập hồ sơ khống nêu trên, T3 chỉ đóng dấu khi nhận biết chữ ký của lãnh đạo T, X và công chức của xã T, H1, khi T1 nhận tiền về thì các bị cáo T và T1 chia nhau chiếm đoạt không chia cho T3, cũng không nộp vào quỹ nên T3 không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không xem xét trách nhiệm hình sự đối với T3 nên không đề cập.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt đối với các bị cáo đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo là phù hợp, được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo hiện nay có thu nhập không ổn định; Công ty N2 và Công ty TNHH T5 đã chấm dứt hoạt động; các bị cáo T, X không còn giữ các chức vụ nên không áp dụng hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[9] Về bồi thường thiệt hại: Các bị cáo đã nộp lại đủ số tiền đã chiếm đoạt là 199.992.000 đồng, Ủy ban nhân dân xã V không có yêu cầu bồi thường bổ sung, nhưng có ý kiến là xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo C2 là người khuyết tật nên miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Thanh T, Lê Thanh T1, Hồ Văn V, Trần Thanh C2, Võ Văn X phạm tội "Tham ô tài sản".

2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, các Điều 17, 38, 50, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

3. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, các Điều 17, 38, 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T1 03 (*ba*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

4. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 354, các Điều 17, 38, 50, điểm b, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn V 02 *(hai)* năm 03 *(ba)* tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (*năm*) năm 06 (*sáu)* tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hồ Văn V cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

5. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, các Điều 17, 38, 50, điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh C2 02 *(hai)* năm 06 *(sáu)* tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (*năm*) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Thanh C2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

6. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, các Điều 17, 38, 50, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Văn X 02 *(hai)* năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 *(bốn)* năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Văn X cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Long An giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

7. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 12, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa.

Các bị cáo Trần Thanh T, Lê Thanh T1, Hồ Văn V, Võ Văn X mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Thanh C2 được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/Huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Bị cáo;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hựu